

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

Bản án số: **12 /2017/HS-PT**

Ngày 22-11-2017

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Ngọc Thông;

Các Thẩm phán: Ông Trương Công Thi;

Ông Bùi Huy Tiến.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Thành An, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Quách Đức Dũng, Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 22 tháng 11 năm 2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm phần xử lý vật chứng trong vụ án hình sự thụ lý số 241/2017/TLPT-HS ngày 04/8/2017. Do có kháng cáo của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 18/2017/HSST ngày 23/6/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Nguyên đơn dân sự: Ngân hàng N Việt Nam.

Địa chỉ: Số XX đường L, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phạm Thị H - Chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng N Việt Nam - Chi nhánh T - Bắc Đắk Lắk, theo Văn bản ủy quyền số 121/NHHN-UQ ngày 20/4/2017. Có mặt.

Địa chỉ: Km 14, Quốc lộ 14, phường Tân An, Thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- Bị đơn dân sự: Võ Thị Hồng Đ - Sinh năm 1966.

Nơi ĐKKHKT: Số 236/18 đường P, phường T, Thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Hiện đang chấp hành án theo Bản án hình sự phúc thẩm số 325/2011/HS-PT ngày 26/9/2011 của Tòa phúc thẩm – Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có kháng cáo:

1. Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1959 - Trú tại: Số 16 A đường P, phường T2, Thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, ủy quyền cho bà Vũ Thị Phúc A, có mặt.

2. Bà Vũ Thị Phúc A, sinh năm 1970 - Trú tại: Số 08A đường N, phường T3, Thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

3. Bà Trần Thị O, sinh năm 1968 - Trú tại: Số 103/40 đường A, phường T, Thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

4. Ông Nguyễn Phi H2, sinh năm 1971 - Trú tại: Số 54 đường P, phường Th, Thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt

5. Bà Trần Thị Bạch Y, sinh năm 1973 - Trú tại: Số 77 đường T, phường T3, Thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Trần Thị Bạch Y, ông Nguyễn Phi H2:

Luật sư Đàm Quốc C; địa chỉ: Số 74 đường Y, phường T4, thành phố B, Đắk Lắk, có mặt.

Luật sư Phạm Thị Th; địa chỉ: Số 100/8A đường A, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Trần Thị Bạch Y:

Luật sư Lê Công Th – VPLS X; địa chỉ: Số 77 đường T, thành phố B, Đắk Lắk, có mặt.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà bà Vũ Thị Phúc A, bà Trần Thị O: Luật sư Tô Tiến D – VPLS L – Đoàn luật sư tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án như sau:

Trong thời gian từ tháng 11/2009 đến tháng 02/2010, Võ Thị Hồng Đ là cán bộ tín dụng tại Ngân hàng N Việt Nam – Chi nhánh T, tỉnh Đắk Lắk đã chiếm đoạt tài sản của Ngân hàng và cá nhân như: sau:

Hành vi chiếm đoạt 6.090.000.000đ: Do đến hạn trả nợ, không còn khả năng thanh toán các khoản vay cho chủ nợ, nên Võ Thị Hồng Đ đã lấy 07 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong hồ sơ vay vốn của các khách hàng do Đ quản lý, mang thế chấp cho các ông, bà sau:

1. Bà Trần Thị Bạch Y: Ngày 03/02/2010, Đ mang 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông Hoàng Văn H3 và bà Trương Thị Ng, 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ bà Dương Thị Kim H1 và ông Phạm Thế V, thế chấp cho

bà Y để đảm bảo đối với khoản vay 1.540.000.000đ, lãi suất 3%/tháng mà Đ đã vay từ năm 2009. Hai bên viết giấy giao nhận tiền nhưng không viết giấy giao nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

2. Bà Trần Thị O: Ngày 26/01/2010, Đ mang 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ bà Nguyễn Thị X và ông Phạm Duy Q, thế chấp cho bà O để đảm bảo đối với khoản vay 1.550.000.000đ mà Đ đã vay từ năm 2009. Hai bên viết giấy vay giao nhận tiền và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

3. Bà Nguyễn Thị Th: Do tháng 11/2009, Đ vay của bà Vũ Thị Phúc A 3.500.000.000đ, Đ mang 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông Nguyễn Văn Th1 và bà Phan Thị D, 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông Phạm Văn H4 và bà Vũ Thị Thu H5 (Doanh nghiệp TN&TM HO) thế chấp cho bà A. Bà A không nhận thế chấp và đưa Đ đến gặp bà Nguyễn Thị Th (là em dâu bà A) để vay tiền. Bà Th cho Đ vay 2.000.000.000đ và nhận thế chấp các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên, hai bên viết giấy biên nhận vay tiền và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau đó, bà Th giao 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nói trên cho bà A giữ. Số tiền vay của bà Th, Đ trả cho bà A 1.500.000.000đ, giữ lại 500.000.000đ để chi tiêu cá nhân.

4. Ông Nguyễn Phi H2: Ngày 05/02/2010, Đ thế chấp 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông Võ Minh H6 và bà Bạch Thị Tr (là bố, mẹ của Đ) cho ông H2 để vay 1.000.000.000đ, hai bên viết giấy biên nhận vay tiền và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Cũng bằng thủ đoạn lừa dối vay đáo hạn, vay kinh kinh doanh huy động vốn cho Ngân hàng N Việt Nam – Chi nhánh T, Đ còn chiếm đoạt 17.110.875.000đ của 08 người bị hại khác. Ngoài ra, Võ Thị Hồng Đ còn có hành vi lừa đảo chiếm đoạt 920.000.000đ của Ngân hàng N Việt Nam, Chi nhánh T.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 26/2011/HS-ST ngày 19/5/2011, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk quyết định:

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139; điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; các điểm c, g, i khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự, xử phạt Võ Thị Hồng Đ tù chung thân về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt tạm giam, ngày 18/3/2010.

Buộc bị cáo Võ Thị Hồng Đ bồi thường cho Ngân hàng N Việt Nam – Chi nhánh T và những người bị hại số tiền đã chiếm đoạt; xử phạt bị cáo khác về tội “*Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng*”; quyết định về trách nhiệm bồi thường thiệt hại; về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 01/6/2011, Ngân hàng N Việt Nam – Chi nhánh T kháng cáo với nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm không tuyên trả lại các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bị Đ lấy mang đi thế chấp bên ngoài, đề nghị cấp phúc thẩm xem xét, giải quyết thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tại Bản án hình sự phúc thẩm số 325/2011/HS-PT ngày 26/9/2011, Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng căn cứ điểm a khoản 2 Điều 248 Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn dân sự và những người bị hại, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tại Quyết định kháng nghị số 08/2016/KN-HS ngày 18/7/2011, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao kháng nghị Bản án hình sự phúc thẩm số 325/2011/HSPT ngày 26/9/2011 của Tòa phúc thẩm tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng, đề nghị Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao xét xử giám đốc thẩm hủy bản án hình sự phúc thẩm nêu trên và Bản án hình sự sơ thẩm số 26/2011/HS-ST ngày 19/5/2011 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk về phần xử lý vật chứng.

Tại Quyết định giám đốc thẩm số 02/2017/HS-GĐT ngày 27/02/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao đã tuyên hủy Bản án hình sự thẩm số 325/2011/HSPT ngày 26/9/2011 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng và Bản án hình sự sơ thẩm số 26/2011/HSST ngày 19/5/2011 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk về phần xử lý vật chứng; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử lại theo đúng quy định của pháp luật.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 18/2017/HSST ngày 23/6/2017, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 41, Điều 42 Bộ luật hình sự; các Điều 122, 127, 128 và Điều 137 Bộ luật dân sự 2005.

Tuyên xử:

Buộc bà Trần Thị Bạch Y phải trả cho Ngân hàng N Việt Nam - Chi nhánh T 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 689158 do UBND huyện K cấp ngày 19/3/2008 và số W869770 do UBND huyện K cấp ngày 11/6/2003 đều mang tên hộ ông Hoàng Văn H3 và bà Trương Thị Ng; 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 4001110308 do UBND Thành phố B cấp ngày 28/11/2003 mang tên hộ bà Dương Thị Kim H1 và ông Phạm Thế V.

Buộc bà Trần Thị O phải trả cho Ngân hàng N Việt Nam - Chi nhánh T 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 4001120369 do UBND tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 25/3/2002 mang tên hộ bà Nguyễn Thị X và ông Phạm Duy Q.

Buộc ông Nguyễn Phi H2 phải trả cho Ngân hàng N Việt Nam - Chi nhánh T 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 369900 do UBND tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 07/6/2005 mang tên hộ ông Võ Minh H6 và bà Bạch Thị Tr.

Buộc bà Vũ Thị Phúc A phải trả cho Ngân hàng N Việt Nam - Chi nhánh T 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 4001090141 do UBND tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 25/3/2002 mang tên hộ ông Nguyễn Văn Th1 và bà Phạm Thị D; 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1001110141 do UBND tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 11/9/2002 mang tên ông Phạm Văn H4 và bà Vũ Thị Thu H5 (Doanh nghiệp TN&TM HO).

Ngoài ra, bản án hình sự sơ thẩm còn thông báo về quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 07/7/2017, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Vũ Thị Phúc A (cũng là người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Th), bà Trần Thị O, ông Nguyễn Phi H2 và bà Trần Thị Bạch Y đều có đơn kháng cáo toàn bộ nội dung Bản án sơ thẩm số 18/2017/HSST ngày 23/6/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Tại phiên toà phúc thẩm hôm nay:

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Vũ Thị Phúc A (cũng là người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Th), bà Trần Thị O, ông Nguyễn Phi H2 và bà Trần Thị Bạch Y vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Vũ Thị Phúc A, bà Trần Thị O trình bày: Việc để xảy ra cho bị cáo Đ có điều kiện thực hiện hành vi phạm tội xuất phát từ trách nhiệm quản lý các tài sản thế chấp của Ngân hàng nên Võ Thị Hồng Đ mới dễ dàng làm cho những bị hại tin tưởng nhận cầm GCNQSD đất. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xác định trách nhiệm của Ngân hàng phải gánh chịu một phần lỗi. Nếu Tòa án xác định giao dịch giữa những người bị hại và Võ Thị Hồng Đ là giao dịch trái pháp luật thì phải xử lý hậu quả của giao dịch trái pháp luật, nghĩa là các bên phải hoàn trả cho nhau những gì đã nhận.

Bà Vũ Thị Phúc A, bà Trần Thị O, bà Trần Thị Bạch Y đều cho rằng Ngân hàng có sai sót trong việc để Võ Thị Hồng Đ mang GCNQSD đất đi thế chấp, việc các cá nhân nhận thế chấp là do Ngân hàng có chủ trương huy động vốn, do đó không chấp nhận như nội dung Bản án sơ thẩm đã tuyên.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Nguyễn Phi H2 và bà Trần Thị Bạch Y trình bày: Việc ông H2 nhận thế chấp GCNQSD đất mang tên hộ ông Võ Minh H6 và bà Bạch Thị Tr giữa hai bên có hợp đồng vay tiền và được chủ sở hữu tài sản là bà Trịnh cùng bà Đ đồng ý ký hợp đồng vay tiền và thế chấp tài sản. Do đó, việc nhận thế chấp tài sản của ông H2 là ngay tình, đúng pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xác định lỗi của Ngân hàng để cùng gánh chịu trách nhiệm khi xử lý tài sản thế chấp.

Ý kiến của của đại diện Ngân hàng N Việt Nam - Chi nhánh T: Trong việc để xảy ra vụ án về phía Ngân hàng cũng có thiếu sót là quản lý không chắc chắn, đúng qui định. Tuy nhiên, việc làm sai trái của bị cáo Đ và cán bộ Ngân hàng đã bị xử lý hình sự. Về trách nhiệm dân sự, theo quyết định của Tòa án các bị cáo có nghĩa vụ bồi thường đầy đủ cho những người bị hại. Đối với Ngân hàng đã thực hiện đúng các qui định pháp luật về cầm cố tài sản thế chấp tại Ngân hàng; 07 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do những người bị hại giữ là vật chứng của vụ án. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của những người bị hại, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ý kiến của Kiểm sát viên – Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu quan điểm đối việc giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Từ giai đoạn thụ lý vụ án đến khi xét xử vụ án, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các qui định pháp luật về tố tụng hình sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tạo điều kiện thuận lợi để các đương sự tham gia tranh luận, thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung: Trong phạm vi vụ án này chỉ xem xét phần xử lý vật chứng của vụ án; đối với Ngân hàng đã thực hiện việc đăng ký tài sản thế chấp theo qui định của pháp luật nên các hợp đồng về thế chấp tài sản có giá trị pháp lý thực hiện. Đối với các người bị hại tuy hiện nay đang giữ 07 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của các khách hàng nhưng đã được Ngân hàng đăng ký giao dịch bảo đảm theo qui định của pháp luật; đồng thời về trách nhiệm cá nhân của bị cáo Đ đối với các người bị hại đã được Bản án hình sự phúc thẩm số 325/2011/HSPT ngày 26/9/2011 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng và Bản án hình sự sơ thẩm số 26/2011/HSST ngày 19/5/2011 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xem xét quyết định và trách nhiệm của các cá nhân của các cán bộ Ngân hàng có vi phạm cũng đã được xử lý. Do đó, những người bị hại kháng cáo nhưng không có chứng cứ gì mới, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về nội dung:

[1.1]. Xét yêu cầu kháng cáo của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, Hội đồng xét xử xét thấy: Võ Thị Hồng Đ là cán bộ tín dụng của Ngân hàng N Việt Nam – Chi nhánh T. Đ được giao nhiệm vụ trực tiếp nhận hồ sơ thế chấp quyền sử dụng đất để vay vốn của các khách hàng. Tuy nhiên, sau khi khách hàng được duyệt cho vay vốn thì Đ không nộp hết vào kho quỹ mà lấy 07 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong các hồ sơ thế chấp vay tiền của các hộ ông Hoàng Văn H3 và bà Trương Thị Ng; Ông Phạm Thế V và bà Dương Thị Kim H1; ông Phạm Duy Q và bà Nguyễn Thị X; Ông Nguyễn Văn Th1 và bà Phan Thị D; ông Phạm Văn H4 và bà Vũ Thị Thu H5; ông Võ Minh H6 và bà Bạch Thị Tr mang thế chấp cho bà Trần Thị Bạch Y, bà Vũ Thị Phúc A, bà Trần Thị O và ông Nguyễn Phi H2 để đảm bảo cho các khoản vay trước đó và vay mới của Đ, từ đó chiếm đoạt của các ông, bà này số tiền 6.069.000.000đ.

Bà Vũ Thị Phúc A, bà Trần Thị O, bà Trần Thị Bạch Y, ông Nguyễn Phi H2 phải biết được việc nhận thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Võ Thị Hồng Đ mang đến phải được sự đồng ý của những người đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng, và phải đăng ký thế chấp theo quy định mới đảm bảo giá trị

pháp lý. Các giao dịch thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giữa Võ Thị Hồng Đ và bà Vũ Thị Phúc A, bà Trần Thị O, bà Trần Thị Bạch Y, ông Nguyễn Phi H2 là giao dịch trái pháp luật vì các GCNQSD đất này đã được thế chấp tại Ngân hàng N Việt Nam – Chi nhánh T và đăng ký thế chấp theo đúng quy định của pháp luật. Ngân hàng N Việt Nam – Chi nhánh T là tổ chức được quản lý các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Các GCNQSD đất này bị Võ Thị Hồng Đ sử dụng làm phương tiện phạm tội, là vật chứng của vụ án nên việc Bản án hình sự sơ thẩm số 18/2017/HSST ngày 23/6/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk tuyên buộc bà Vũ Thị Phúc A, bà Trần Thị O, bà Trần Thị Bạch Y, ông Nguyễn Phi H2 trả lại GCNQSD đất cho Ngân hàng là có căn cứ.

[1.2]. Đối với ý kiến của Luật sư cho rằng trường hợp ông Nguyễn Phi H2 nhận thế chấp GCNQSD đất mang tên hộ ông Võ Minh H6 và bà Bạch Thị Tr giữa hai bên có hợp đồng vay tiền và được chủ sở hữu tài sản là bà Trịnh cùng bà Đ đồng ý ký hợp đồng vay tiền và thế chấp tài sản là hợp lệ, ngay tình và đề nghị xác định trách nhiệm của Ngân hàng phải gánh chịu một phần thiệt hại cho ông H2 vì phía ngân hàng cũng có một phần lỗi. Hội đồng xét xử xét thấy, vào thời điểm ông H2 nhận thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nói trên là sau thời điểm nhận thế chấp của Ngân hàng; đồng thời ông H2 cũng không đăng ký giao dịch có bảo đảm theo qui định của pháp luật nên không có cơ sở để chấp nhận ý kiến của Luật sư.

[1.3]. Đối với quan điểm của những người bị hại đề nghị làm rõ trách nhiệm của Ngân hàng, Hội đồng xét xử xét thấy vấn đề này đã được xem xét giải quyết bằng bản án hình sự đã có hiệu lực pháp luật. Mặt khác, Quyết định giám đốc thẩm số 02/2017/HS-GĐT ngày 27/2/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao chỉ huỷ Bản án hình sự phúc thẩm và sơ thẩm về phần xử lý vật chứng nên không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu kháng cáo này của các đương sự.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên buộc bà Vũ Thị Phúc A, bà Trần Thị O, bà Trần Thị Bạch Y, ông Nguyễn Phi H2 trả lại 07 GCNQSD đất đã nhận thế chấp của Võ Thị Hồng Đ cho Ngân hàng N Việt Nam - Chi nhánh T là có căn cứ, đúng với các qui định tại điểm b khoản 2 điều 76 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 41; Điều 42 của Bộ luật Hình sự; các Điều 122, 127, 128 và Điều 137 của Bộ luật dân sự 2005; cần chấp nhận ý kiến kiến nghị của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, bác kháng cáo của các người bị hại, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[2]. Về án phí:

Do kháng cáo không được chấp nhận nên những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Vũ Thị Phúc A, bà Trần Thị O, ông Nguyễn Phi H2 và bà Trần Thị Bạch Y mỗi người phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[3]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 248; điểm b khoản 2 điều 76 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Áp dụng Điều 41, Điều 42 của Bộ luật Hình sự; các Điều 122, 127, 128 và Điều 137 của Bộ luật dân sự 2005; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Bác yêu cầu kháng cáo của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Vũ Thị Phúc A, bà Trần Thị O, bà Trần Thị Bạch Y và ông Nguyễn Phi H2.

Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 18/2017/HS-PT ngày 23/6/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Tuyên xử:

1. Về nội dung:

1.1. Buộc bà Trần Thị Bạch Y phải trả cho Ngân hàng N Việt Nam - Chi nhánh T 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 689158 do UBND huyện K cấp ngày 19/3/2008 và số W869770 do UBND huyện K cấp ngày 11/6/2003 đều mang tên hộ ông Hoàng Văn H3 và bà Trương Thị Ng; 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 4001110308 do UBND Thành phố B cấp ngày 28/11/2003 mang tên hộ bà Dương Thị Kim H1 và ông Phạm Thế V.

1.2. Buộc bà Trần Thị O phải trả cho Ngân hàng N Việt Nam - Chi nhánh T 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 4001120369 do UBND tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 25/3/2002 mang tên hộ bà Nguyễn Thị X và ông Phạm Duy Q.

1.3. Buộc ông Nguyễn Phi H2 phải trả cho Ngân hàng N Việt Nam - Chi nhánh T 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 369900 do UBND tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 07/6/2005 mang tên hộ ông Võ Minh H và bà Bạch Thị Tr.

1.4. Buộc bà Vũ Thị Phúc A phải trả cho Ngân hàng N Việt Nam - Chi nhánh T 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 4001090141 do UBND tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 25/3/2002 mang tên hộ ông Nguyễn Văn Th1 và bà Phạm Thị D; 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1001110141 do UBND tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 11/9/2002 mang tên ông Phạm Văn H4 và bà Vũ Thị Thu H5 (Doanh nghiệp TN&TM HO).

2. Về án phí:

Buộc những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Vũ Thị Phúc A, bà Trần Thị O, ông Nguyễn Phi H2 và bà Trần Thị Bạch Y mỗi người phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDTC;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Cục thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ, án văn, Phòng HCTP..

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ' PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Võ Ngọc Thông